

KẾ HOẠCH

Tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 72-QĐ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền tuyển dụng viên chức;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc áp dụng Quyết định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp) và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Trạm Y tế) trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã);

Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tuyển dụng viên chức nhằm tuyển dụng những người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vào

làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp), và Trạm Y tế trực thuộc UBND cấp xã, qua đó bổ sung nguồn nhân lực, tiếp tục xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng, đúng cơ cấu, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công việc được giao.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức tuyển dụng viên chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuyển dụng viên chức phải đảm bảo nghiêm túc, công khai, khách quan, công bằng theo đúng quy định của pháp luật. Người được tuyển dụng phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công việc được giao.

II. Căn cứ tuyển dụng viên chức

1. Căn cứ: Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế và Trạm Y tế trực thuộc UBND cấp xã. Đảm bảo về số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

2. Hình thức: Xét tuyển.

3. Nhu cầu tuyển dụng

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng: 529 chỉ tiêu (*Phụ lục 01*).

- Trạm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: 209 chỉ tiêu (*phụ lục 02*).

4. Số lượng người làm việc

4.1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng

4.1.1. Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động

- Số lượng viên chức được giao năm 2026: 6.725 (Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước 4.238; nguồn thu là 2.487).

- Số lượng viên chức đã tuyển dụng: 4.919 người làm việc.

- Số lượng chưa tuyển dụng viên chức: 1.806 người.

- Số lượng người cần tuyển dụng vào viên chức: 365 người.

4.1.2. Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động

- Số lượng viên chức đã tuyển dụng: 1.956 người làm việc.

- Số lượng người cần tuyển dụng vào viên chức: 164 người.

4.2. Trạm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

- Số lượng viên chức được giao năm 2026: 2.885 người
- Số lượng viên chức đã tuyển dụng: 2.427 người làm việc.
- Số lượng người cần tuyển dụng vào viên chức: 209 người.

(Đính kèm phụ lục 04 và phụ lục 05)

5. Phạm vi tuyển dụng viên chức:

- Phạm vi về đơn vị: Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Phạm vi về chức danh nghề nghiệp: Việc tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập và Trạm Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- + Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương.
- + Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương.

(Đính kèm phụ lục 03)

III. Tiêu chuẩn, điều kiện, phiếu đăng ký tuyển dụng và ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên. Đối với một số lĩnh vực hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, tuổi dự tuyển có thể thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời, phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật;
- Có đơn đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

Lưu ý: Ngoài các điều kiện chung, thí sinh phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí tuyển dụng theo yêu cầu cụ thể đính kèm tại phụ lục 01, 02, 03.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

- Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển:
 - + Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.
 - + Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.
 - + Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;
 - + Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.
- Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

IV. Thủ tục đăng ký dự tuyển

1. Thành phần hồ sơ

- Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Lưu ý:

- Để đảm bảo việc kiểm tra thông tin Phiếu đăng ký dự tuyển được chính xác, khuyến khích thí sinh nộp bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ, chứng minh thể hiện chuẩn đầu ra (gồm cả bản dịch thuật công chứng đối với văn bằng nước ngoài).

- Thí sinh dự tuyển chỉ kê khai các văn bằng, chứng chỉ được cấp trước này nộp Phiếu đăng ký dự tuyển; không sử dụng giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, giấy chứng nhận đã hoàn thành kỳ thi chờ cấp chứng chỉ để thay thế các văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

- Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm tại Phụ lục 01 hoặc phụ lục 02 kèm theo Kế hoạch này.

2. Thời gian nhận phiếu đăng ký dự tuyển

30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng (*có thời gian cụ thể tại kế hoạch này*).

3. Nộp phiếu đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính qua địa chỉ: Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng - Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng, số 36 đường Trần Phú, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Số điện thoại liên hệ: 0263.383.3558 (*Lưu ý: Phiếu đăng ký dự tuyển gửi bằng đường bưu chính thì ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo dấu của bưu điện; Ngoài bì thư ghi thêm “Hồ sơ tuyển dụng viên chức” đồng thời gửi chuyển phát nhanh để tránh thất lạc hồ sơ*).

4. Thông tin tuyển dụng viên chức

Thí sinh có trách nhiệm tự cập nhật và theo dõi thông tin liên quan đến kỳ tuyển dụng, mọi thông tin sẽ được niêm yết chính thức tại trang thông tin Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng <https://syt.lamdong.gov.vn/>

V. Nội dung, hình thức xét tuyển, cách xác định thí sinh trúng tuyển**1. Nội dung, hình thức xét tuyển viên chức**

Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của thí sinh đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, trong đó có xác định văn bằng, chứng chỉ theo vị trí tuyển dụng và tiêu chuẩn tin học và ngoại ngữ như sau:

- Trình độ chuyên môn, chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng của đơn vị dự tuyển.

- Tiêu chuẩn về tin học: Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (cấp độ 2).

- Tiêu chuẩn về ngoại ngữ:

+ Đối với các chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở lên: Sử dụng ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (cấp độ 2) hoặc sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

+ Đối với các chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: Sử dụng ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (cấp độ 1) hoặc sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Người dự tuyển đạt vòng 1 khi đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn nêu trên.

Hoặc người dự tuyển đáp ứng một trong các điều kiện sau về ngoại ngữ thì đáp ứng tiêu chuẩn về ngoại ngữ:

(1) Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

(2) Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

(3) Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

(4) Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- Đối với người dự tuyển chưa đảm bảo yêu cầu về tin học và ngoại ngữ theo vị trí việc làm phải thực hiện làm bài kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Kiểm tra kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (tài liệu ôn tập kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản). Kiểm tra kỹ năng sử dụng ngoại ngữ (tài liệu ôn tập kỹ năng tiếng Anh bậc 1, bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam). Mỗi kỹ năng có 30 câu trắc nghiệm với thời gian kiểm tra 30 phút. Kết quả kiểm tra được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng kỹ năng, nếu trả lời đúng từ 50% số câu trắc nghiệm trở lên cho từng kỹ năng thí sinh dự tuyển được thi tiếp vòng 2 (kết quả dưới 50% cho từng kỹ năng thí sinh sẽ không đủ điều kiện dự tuyển vòng 2).

* **Lưu ý:** Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1.

Vòng 2: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng bằng hình thức thi viết với thang điểm 100 điểm.

- Thời gian thi viết: 180 phút (không kể thời gian chép đề).

- Tài liệu ôn thi: Danh mục tài liệu phục vụ thi viết được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng: syt.lamdong.gov.vn.

* **Lưu ý:** Thực hiện phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2.

2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

- Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

+ Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của vị trí việc làm. Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển thì Hội đồng báo cáo Giám đốc Sở quyết định người trúng tuyển.

- Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

3. Hoàn thiện hồ sơ sau khi trúng tuyển

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, thí sinh tuyển phải đến Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển (Lưu ý: Nếu dùng bằng chuyên môn có chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương hoặc cao hơn yêu cầu để thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, thí sinh phải tự nộp minh chứng xác nhận điều này).

- Bản sao có chứng Chỉ chứng chỉ hành nghề hoặc chứng nhận bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp (nếu có).

- Bản sao có chứng thực chứng nhận đối tượng ưu tiên theo quy định (nếu có).

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Bản sao có chứng thực sổ bảo hiểm xã hội, hợp đồng lao động, quyết định nâng lương (nếu có).

4. Huỷ kết quả xét tuyển

- Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Giám đốc Sở Y tế ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

- Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển, Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

5. Trường hợp bổ sung người trúng tuyển

Giám đốc Sở quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả xét tuyển thấp hơn liền kề so với kết quả xét tuyển của người trúng tuyển đã bị huỷ bỏ kết quả trúng tuyển quy định tại (huỷ kết quả xét tuyển).

Trường hợp ngay sau kỳ tuyển dụng mà phát sinh nhu cầu tuyển dụng mới đối với vị trí việc làm có yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện như vị trí việc làm mà người dự tuyển đã đăng ký thi trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày phê duyệt kế hoạch của

kỳ tuyển dụng, Giám đốc Sở có thẩm quyền tuyển dụng xem xét, quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển cho đến khi đủ nhu cầu tuyển dụng phát sinh. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Giám đốc Sở quyết định người trúng tuyển theo quy định tại.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Thông báo kế hoạch tuyển dụng viên chức

Thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng viên chức trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng, Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng, trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và niêm yết công khai tại Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và trụ sở làm việc của các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng viên chức.

2. Dự kiến thời gian tổ chức tuyển dụng

- Từ ngày 10/6/2026 đến ngày 12/6/2026: Thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng viên chức và thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Từ ngày 15/6/2026 đến ngày 14/7/2026: Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển (bao gồm các giấy tờ kèm theo).
- Ngày 15/6/2026 đến ngày 19/6/2026: Ban hành danh mục tài liệu dự tuyển.
- Từ ngày 20/7/2026 đến ngày 23/7/2026: Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Từ ngày 24/7/2026 đến ngày 26/7/2026: Thông qua danh sách thí sinh tham dự vòng 1 kiểm tra trắc nghiệm kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ (đối với thí sinh chưa có văn bằng, chứng chỉ).
- Từ ngày 30/7/2026 đến ngày 01/8/2026: Kiểm tra trắc nghiệm kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ.
- Từ ngày 04/8/2026 đến ngày 05/8/2026: Thông qua danh sách thí sinh đạt vòng 1 và đủ điều kiện dự tuyển vòng 2; thông báo thời gian, địa điểm xét tuyển vòng 2.
- Từ ngày 15/8/2026 đến ngày 16/8/2026: Tổ chức xét tuyển vòng 2.
- Từ ngày 27/8/2026 đến ngày 28/8/2026: Hội đồng thông qua kết quả xét tuyển, sau đó hoàn thiện hồ sơ báo cáo Giám đốc Sở công nhận kết quả tuyển dụng.
- Từ ngày 26/8/2026 đến ngày 28/8/2026: Công khai kết quả xét tuyển.

3. Địa điểm tổ chức xét tuyển

Sở Y tế sẽ thông báo công khai địa điểm xét tuyển trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và niêm yết công khai tại Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và trụ sở làm việc của các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng viên chức.

4. Kinh phí

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

5. Thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức và các bộ phận giúp việc

- Thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thành lập các bộ phận giúp theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

6. Phân công nhiệm vụ

- Phòng Tổ chức cán bộ

+ Là bộ phận thường trực tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch tuyển dụng viên chức; phối hợp với các phòng thuộc Sở và các đơn vị liên quan trong việc triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2026.

+ Tham mưu và thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở, Hội đồng tuyển dụng viên chức giao trong quá trình triển khai kế hoạch.

- Các phòng chuyên môn và Văn phòng Sở:

+ Cử thành viên tham gia triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức khi được đề xuất.

+ Tham mưu và thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở, Hội đồng tuyển dụng viên chức giao trong quá trình triển khai kế hoạch.

+ Văn phòng Sở chịu trách nhiệm thực hiện công tác thanh toán, công tác hậu cần và bố trí cơ sở vật chất đảm bảo triển khai công tác tuyển dụng.

- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng phối hợp triển khai kế hoạch tuyển dụng theo yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026.

(Đính kèm phụ lục 01,02,03, 04, 05 và mẫu phiếu đăng ký dự tuyển)./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- VP UBND tỉnh Lâm Đồng;
- TT Thông tin và hội nghị tỉnh Lâm Đồng;
- UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;
- Trạm Y tế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;
- BGĐ SYT;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Trang TTĐT SYT;
- Lưu: VT, TCCB, HTHN.

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Thị Phương Duyên

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 01

Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm năm 2026

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
				Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		
Tổng số lượng cần tuyển dụng				155	374	529	
I	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng			36	0	36	
1	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	9	0	9	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	27	0	27	
II	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Lâm Đồng			1	0	1	
1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gắn về công nghệ thông tin	1		1	
III	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tỉnh Lâm Đồng			4	0	4	
1	Văn thư viên	02.007	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ	1	0	1	
2	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gắn về công nghệ thông tin	1	0	1	
4	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	2	0	2	
IV	Trung tâm Pháp y tỉnh Lâm Đồng			6	0	6	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	5		5	
2	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	1		1	
V	Bệnh viện II Lâm Đồng			0	70	70	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		18	18	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt		3	3	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		1	1	
4	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ		4	4	
5	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng		17	17	
6	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng điều dưỡng		8	8	
7	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Cử nhân Hộ sinh		1	1	
8	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh		1	1	
9	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học		2	2	
10	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng		2	2	
11	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng		1	1	

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
				Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		
12	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học		1	1	
13	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Cử nhân Dinh dưỡng		1	1	
14	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		1	1	
15	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		1	1	
16	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng		1	1	
17	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	Cao đẳng Điện - Điện lạnh		1	1	
18	Chuyên viên về pháp chế	01.003	Cử nhân Luật		1	1	
19	Chuyên viên về tổng hợp	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Hành chính học, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Bảo hiểm, Luật, Kế toán, Kinh tế		1	1	
20	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Luật kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán, Quản lý bệnh viện, Quản lý y tế		2	2	
21	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính		1	1	
22	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin		1	1	
VI	Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch			11	0	11	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	1		1	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	2		2	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	3		3	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng điều dưỡng	1		1	
5	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Phục hồi chức năng	2		2	
6	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng Dược	1		1	
7	Chuyên viên về hành chính văn phòng	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Luật, Kế toán	1		1	
VII	Bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc			0	6	6	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt		1	1	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		5	5	
VIII	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Lâm Đồng			10	8	18	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	5	1	6	
2	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ		1	1	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	4	0	4	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	1	2	3	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học		1	1	
6	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	0	1	1	
7	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	0	1	1	

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
				Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		
8	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	0	1	1	
IX	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lâm Đồng			0	3	3	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa hoặc Bác sĩ Y học cổ truyền	0	2	2	
2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng	0	1	1	
X	Trung tâm Y tế khu vực Đà Lạt			0	28	28	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		22	22	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		2	2	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt		2	2	
4	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng		1	1	
5	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng		1	1	
XI	Trung tâm Y tế khu vực Đơn Dương			20	2	22	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	7		7	
2	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	1		1	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	4		4	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	2	2	4	
5	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Cử nhân Hộ sinh	1		1	
6	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh	1		1	
7	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	2		2	
8	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	01.003	Cử nhân chuyên ngành Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Luật	1		1	
9	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	01.003	Cử nhân chuyên ngành Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Luật	1		1	
XII	Trung tâm Y tế khu vực Đức Trọng			0	6	6	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		5	5	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		1	1	
XIII	Trung tâm Y tế khu vực Lạc Dương			3	0	3	
1	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	1		1	
2	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gắn về công nghệ thông tin	1		1	
3	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	1		1	
XIV	Trung tâm Y tế khu vực Lâm Hà			0	12	12	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		2	2	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		1	1	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng		2	2	
4	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng		1	1	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học		1	1	
6	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học		1	1	
7	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính		2	2	

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
				Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		
8	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng		2	2	
XV	Trung tâm Y tế khu vực Đam Rông			3	3	6	
1	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng		1	1	
2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	1		1	
3	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh	1		1	
4	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học		1	1	
5	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		1	1	
6	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	1		1	
XVI	Trung tâm Y tế khu vực Di Linh			1	19	20	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		1	1	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt		1	1	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		1	1	
4	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	1	0	1	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học		2	2	
6	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng		1	1	
7	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng		5	5	
8	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gắn về công nghệ thông tin		1	1	
9	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng		2	2	
10	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng		5	5	
XVII	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lâm			7	10	17	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	3	2	5	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt		1	1	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	1		1	
4	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ		1	1	
5	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng		2	2	
6	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	2	1	3	
7	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học		1	1	
8	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng	1	1	2	
9	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gắn về công nghệ thông tin		1	1	
XVIII	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lộc			0	3	3	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		2	2	
2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học		1	1	
XIX	Trung tâm Y tế khu vực Đạ Huoai			32	0	32	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	5		5	
2	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	9		9	
3	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao Đẳng Điều dưỡng	4		4	
4	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	3		3	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	1		1	

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
				Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		
6	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	3		3	
7	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	2		2	
8	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	3		3	
9	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	1		1	
10	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Có trình độ đại học chuyên ngành kỹ thuật thiết bị y tế	1		1	
XX	Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Thuận			17		17	
1	Chuyên viên về tổng hợp	01.003	Tốt nghiệp đại học các chuyên ngành Công nghệ thông tin, Luật, Công tác xã hội	1		1	
2	Chuyên viên về hành chính, văn phòng	01.003	Tốt nghiệp đại học các chuyên ngành Luật, Công tác xã hội, Kế toán	1		1	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	1		1	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	5		5	
5	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	1		1	
6	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng Dược	1		1	
7	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	5		5	
8	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	2		2	
XXI	Bệnh viện Đa khoa khu vực phía Nam			0	22	22	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	19	19	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	0	2	2	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	0	1	1	
XXII	Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi			0	20	20	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	18	18	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	0	2	2	
XXIII	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận			0	6	6	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		5	5	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		1	1	
XXIV	Bệnh viện Phổi Bình Thuận			0	5	5	

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
				Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		4	4	
2	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng		1	1	
XXV	Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Bình Thuận			0	12	12	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		5	5	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt		1	1	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		6	6	
XXVI	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong			0	10	10	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	10	10	
XXVII	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc			0	12	12	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		3	3	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		9	9	
XXVIII	Trung tâm Y tế khu vực Phan Thiết			0	20	20	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		19	19	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		1	1	
XXIX	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Nam			0	3	3	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	3	3	
XXX	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Tân			0	11	11	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		9	9	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt		1	1	
3	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng		1	1	
XXXI	Trung tâm Y tế khu vực Đức Linh			4	4	8	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	2	2	4	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	1	2	3	
3	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	1	0	1	
XXXII	Trung tâm Y tế khu vực Tánh Linh			0	11	11	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	9	9	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	0	2	2	
XXXIV	Trung tâm Y tế Quân dân y Đặc khu Phú Quý			0	6	6	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt		1	1	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa		3	3	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền		2	2	
XXXIII	Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận			0	52	52	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	52	52	
XXXIV	Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông			0	1	1	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	1	1	
XXXV	Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp			0	2	2	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	2	2	
XXXVI	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Song			0	5	5	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	4	4	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	0	1	1	
XXXVII	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Đức			0	2	2	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	0	2	2	

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 02

Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức các Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026

TT	Tên trạm	Tổng chỉ tiêu cần tuyển	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành				Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
			Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ Y học dự phòng	
			V.08.01.03	V.08.01.03	V.08.01.03	V.08.01.03	
	Mã		V.08.01.03	V.08.01.03	V.08.01.03	V.08.01.03	
	Tên vị trí việc làm		Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	
	Tổng chỉ tiêu cần tuyển	209	133	16	45	15	
1	Trạm Y tế phường Xuân Hương - Đà Lạt	2	1		1		
2	Trạm Y tế phường Cam Ly - Đà Lạt	1	1				
3	Trạm Y tế phường Lâm Viên - Đà Lạt	3	2		1		
4	Trạm Y tế phường Lang Biang - Đà Lạt	1	1				
5	Trạm y tế xã Lạc Dương	1	1				
6	Trạm Y tế xã Đơn Dương	3	3				
7	Trạm Y tế xã Ka Đô	1	1				
8	Trạm Y tế xã Quảng Lập	2	2				
9	Trạm Y tế xã Đức Trọng	3	3				
10	Trạm Y tế xã Hiệp Thạnh	2	2				
11	Trạm Y tế xã Tân Hội	3	2	1			
12	Trạm Y tế xã Ninh Gia	3	2	1			
13	Trạm Y tế xã Tà Hine	1	1				
14	Trạm Y tế xã Tà Năng	3	3				
15	Trạm Y tế xã Phú Sơn Lâm Hà	2	1		1		
16	Trạm Y tế xã Nam Hà Lâm Hà	2	2				
17	Trạm Y tế xã Tân Hà Lâm Hà	2	1		1		
18	Trạm Y tế xã Di Linh	2	1		1		
19	Trạm Y tế xã Hòa Ninh	4	1	1	1	1	
20	Trạm Y tế xã Hòa Bắc	3	2		1		
21	Trạm Y tế xã Đinh Trang Thượng	1	1				
22	Trạm Y tế xã Bảo Thuận	1	1				
23	Trạm Y tế xã Sơn Điền	3	2		1		
24	Trạm Y tế xã Gia Hiệp	3	2		1		
25	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 4	2	1		1		

TT	Tên trạm	Tổng chỉ tiêu cần tuyển	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành				Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
			Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ Y học dự phòng	
			V.08.01.03	V.08.01.03	V.08.01.03	V.08.01.03	
Mã	Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)		
26	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 5	2	2				
27	Trạm Y tế phường 1 Bảo Lộc	2	2				
28	Trạm Y tế xã Đạ Huoai	1	1				
29	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 2	4	3		1		
30	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 3	2	1		1		
31	Trạm Y tế xã Đạ Tèh	3	3				
32	Trạm Y tế xã Đạ Tèh 2	3	1	1	1		
33	Trạm Y tế xã Đạ Tèh 3	2	1		1		
34	Trạm Y tế xã Cát Tiên 2	2	1		1		
35	Trạm Y tế xã Cát Tiên 3	3	1	1	1		
36	Trạm Y tế xã Vĩnh Hào	3	2		1		
37	Trạm Y tế xã Liên Hương	5	4			1	
38	Trạm Y tế xã Tuy Phong	2	2				
39	Trạm Y tế xã Phan Rí Cửa	4	2	1	1		
40	Trạm Y tế xã Hồng Thái	4	2		1	1	
41	Trạm Y tế xã Hải Ninh	2	2				
42	Trạm Y tế xã Phan Sơn	3	1	1	1		
43	Trạm Y tế xã Sông Lũy	3	3				
44	Trạm Y tế xã Lương Sơn	4	2		1	1	
45	Trạm Y tế xã Hòa Thắng	3	2			1	
46	Trạm Y tế xã Đông Giang	3	1		1	1	
47	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Bắc	3	2	1			
48	Trạm Y tế xã Hàm Thuận	3	3				
49	Trạm Y tế xã Hồng Sơn	2			1	1	
50	Trạm Y tế xã Hàm Liêm	3	2		1		
51	Trạm Y tế phường Hàm Thắng	4	2	1	1		
52	Trạm Y tế phường Bình Thuận	2			1	1	
53	Trạm Y tế phường Mũi Né	3	1		1	1	
54	Trạm Y tế phường Phan Thiết	1		1			
55	Trạm Y tế phường Tiến Thành	2	1		1		
56	Trạm Y tế xã Tuyên Quang	2	1		1		
57	Trạm Y tế xã Hàm Kiệm	2	2				

TT	Tên trạm	Tổng chi tiêu cần tuyển	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành				Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
			Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ Y học dự phòng	
			V.08.01.03	V.08.01.03	V.08.01.03	V.08.01.03	
Mã		Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	
58	Trạm Y tế xã Tân Thành		2	2			
59	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Nam	3	2		1		
60	Trạm Y tế xã Tân Lập	3	2		1		
61	Trạm Y tế xã Tân Minh	1	1				
62	Trạm Y tế xã Hàm Tân	3	2			1	
63	Trạm Y tế phường La Gi	3	3				
64	Trạm Y tế phường Phước Hội	3	2	1			
65	Trạm Y tế xã Tân Hải	4	3		1		
66	Trạm Y tế xã Bắc Ruộng	2	1		1		
67	Trạm Y tế xã Nghị Đức	2	1		1		
68	Trạm Y tế xã Đồng Kho	3	1	1	1		
69	Trạm Y tế xã Tánh Linh	3	2		1		
70	Trạm Y tế xã Suối Kiết	5	3		1	1	
71	Trạm Y tế xã Nam Thành	3	2		1		
72	Trạm Y tế xã Đức Linh	4	2	1	1		
73	Trạm Y tế xã Hoài Đức	2	2				
74	Trạm Y tế xã Trà Tân	3	2			1	
75	Trạm Y tế xã Đăk Wil	2	1		1		
76	Trạm Y tế xã Quảng Phú	1	1				
77	Trạm Y tế xã Đăk Mil	1		1			
78	Trạm Y tế xã Đăk Song	1			1		
79	Trạm Y tế xã Trường Xuân	1				1	
80	Trạm Y tế phường Đông Gia Nghĩa	1	1				
81	Trạm Y tế xã Tà Đùng	1				1	
82	Trạm Y tế xã Quảng Sơn	3	1		1	1	
83	Trạm Y tế xã Quảng Hòa	4	2	1	1		
84	Trạm Y tế xã Quảng Trục	3	1	1	1		
85	Trạm Y tế Đặc khu Phú Quý	1			1		

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 03

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn về năng lực được quy định tại Thông tư

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (1)	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (Hoàn thiện trước khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc ngạch)	Tiêu chuẩn về năng lực	Thông tư quy định	Thông tư quy định
1	Văn thư viên	02.007	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ			Thông tư 02/2021/TT-BNV ngày 11/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư	Thông tư 06/2022/TT-BNV ngày 28/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư 02/2021/TT-BNV quy định về mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư
2	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư 02/2021/TT-BNV ngày 11/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư	Thông tư 06/2022/TT-BNV ngày 28/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư 02/2021/TT-BNV quy định về mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư
3	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của vị trí việc làm	Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ tương ứng	Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư 11/2024/TT-BKHHCN ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ	Thông tư 37/2025/TT-BKHHCN ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh khoa học, chức danh công nghệ; thành tích, kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để xét bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác
4	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	Có trình độ cao đẳng trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của vị trí việc làm	Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật,	Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm		

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (1)	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (Hoàn thiện trước khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc ngạch)	Tiêu chuẩn về năng lực	Thông tư quy định	Thông tư quy định
				viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ tương ứng			
5	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư 66/2024/TT-BTC ngày 06/09/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập	
6	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Tốt nghiệp bác sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành y học dự phòng); bác sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ hoặc có giấy phép (chứng chỉ) hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ (hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư 41/2025/TT-BYT ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ	
7	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Tốt nghiệp bác sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành Y học cổ truyền)	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng hoặc có giấy phép (chứng chỉ) hành nghề với phạm vi hành nghề y học dự phòng	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ (hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư 41/2025/TT-BYT ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ	
8	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Có bằng tốt nghiệp đại học ngành điều dưỡng trở lên	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc có giấy phép	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ (hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở	Thông tư 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (1)	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (Hoàn thiện trước khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc ngạch)	Tiêu chuẩn về năng lực	Thông tư quy định	Thông tư quy định
				hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm		
9	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc có giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh		Thông tư 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
10	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Hộ sinh trở lên	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hộ sinh hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc có giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ (hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
11	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng Hộ sinh trở lên	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hộ sinh hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc có giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh		Thông tư 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
12	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Kỹ thuật y học, đại học ngành Kỹ thuật phục hình răng, đại học ngành hoá học, sinh học, dược học, công nghệ sinh học trở lên	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ (hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
13	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng nhóm ngành Kỹ thuật y học trở lên	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc có giấy phép		Thông tư 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (1)	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (Hoàn thiện trước khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc ngạch hành nghề khám bệnh, chữa bệnh)	Tiêu chuẩn về năng lực	Thông tư quy định	Thông tư quy định
14	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Dược học	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược hoặc có chứng chỉ hành nghề dược (dùng cho các hạng chức danh dược)	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược	Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế
15	Dược hạng IV	V.08.08.23	Tốt nghiệp cao đẳng Dược	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược hoặc có chứng chỉ hành nghề dược (dùng cho các hạng chức danh dược)		Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược	Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế
16	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Dinh dưỡng; bác sĩ nhóm ngành Y học và tốt nghiệp sau đại học nhóm ngành Dinh dưỡng	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng (dùng cho các hạng chức danh dinh dưỡng)	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư liên tịch 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng	
17	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp, chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm	Thông tư 26/2022/TT-BLĐTBXH ngày 12/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội	
18	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội	Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm	Thông tư 26/2022/TT-BLĐTBXH ngày 12/12/2022	

TT	Tên vị trí việc làm	Mã	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (1)	Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (Hoàn thiện trước khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc ngạch)	Tiêu chuẩn về năng lực	Thông tư quy định	Thông tư quy định
			học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	ngành viên chức chuyên ngành công tác xã hội	dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm	của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội	
19	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin	Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm	Thông tư 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin	Thông tư 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/09/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 04

Thực trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm năm 2026

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức đã tuyển dụng đến 6/2026	Số viên chức chưa tuyển	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu				
	Tổng	6.725	4.238	2.487	6.875	1.806	529	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	0	0	0	635			Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
2	Bệnh viện II Lâm Đồng	0	0	0	475		70	Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
3	Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận	0	0		484		52	Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
4	Bệnh viện Đa khoa khu vực phía Nam	0	0		222		22	Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
5	Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi	0			140		20	Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	326	43	283	190	136	6	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
7	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Lâm Đồng	166	107	59	97	69	18	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc	124	79	45	79	45	6	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
9	Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch	162	127	35	106	56	11	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
10	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lâm Đồng	93	78	15	79	14	3	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
11	Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Bình Thuận	203	80	123	90	113	12	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
12	Bệnh viện Phổi Bình Thuận	109	62	47	81	28	5	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
13	Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông	413	145	268	383	30	1	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức đã tuyển dụng đến 6/2026	Số viên chức chưa tuyển	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu				
14	Trung tâm Pháp y tỉnh Lâm Đồng	46	46	0	31	15	6	Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
15	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Lâm Đồng	26	25	1	24	2	1	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 10% đến dưới 30%
16	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng	473	469	4	382	91	36	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 10% đến dưới 30%
17	Trung tâm Kiểm Nghiệm Dược phẩm - Mỹ Phẩm tỉnh Lâm Đồng	43	43	0	33	10	4	Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
18	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Lâm Đồng	28	25	3	23	5		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
19	Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Thuận	79	74	5	27	52	17	Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
20	Trung tâm Bảo trợ xã hội Đắk Nông	30	27	3	24	6		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
21	Trung tâm Y tế khu vực Đà Lạt	141	101	40	82	59	28	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
22	Trung tâm Y tế khu vực Lạc Dương	68	64	4	56	12	3	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 10% đến dưới 30%
23	Trung tâm Y tế khu vực Đơn Dương	207	175	32	158	49	22	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
24	Trung tâm Y tế khu vực Đức Trọng	237	179	58	186	51	6	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
25	Trung tâm Y tế khu vực Lâm Hà	184	140	44	151	33	12	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
26	Trung tâm Y tế khu vực Đam Rông	112	83	29	86	26	6	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 10% đến dưới 30%
27	Trung tâm Y tế khu vực Di Linh	213	133	80	179	34	20	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
28	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lâm	123	107	16	88	35	17	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
29	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lộc	82	58	24	66	16	3	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
30	Trung tâm Y tế khu vực Đạ Huoai	376	336	40	264	112	32	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
31	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong	180	80	100	136	44	10	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức đã tuyển dụng đến 6/2026	Số viên chức chưa tuyển	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu				
32	Trung tâm Y tế khu vực Bắc Bình	64	59	5	42	22		Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
33	Trung tâm Y tế khu vực La Gi	71	65	6	46	25		Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
34	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc	285	114	171	172	113	12	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
35	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Tân	150	76	74	103	47	11	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
36	Trung tâm Y tế khu vực Phan Thiết	268	129	139	150	118	20	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
37	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Nam	195	62	133	122	73	3	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
38	Trung tâm Y tế khu vực Tánh Linh	213	59	154	122	91	11	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
39	Trung tâm Y tế khu vực Đức Linh	153	113	40	72	81	8	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
40	Trung tâm Y tế Quân dân y Đặc khu Phú Quý	144	96	48	95	49	6	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
41	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	143	91	52	140	3		Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
42	Trung tâm Y tế khu vực Krông Nô	116	74	42	113	3		Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
43	Trung tâm Y tế khu vực Đăk Mil	160	93	67	158	2		Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
44	Trung tâm Y tế khu vực Đăk Song	125	70	55	116	9	5	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
45	Trung tâm Y tế khu vực Đăk Glong	96	79	17	84	12		Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%
46	Trung tâm Y tế khu vực Đăk R'lấp	219	108	111	216	3	2	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%
47	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Đức	79	64	15	67	12	2	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 05

Thực trạng số lượng người làm việc tại chức các Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

TT	Tên trạm	Số viên chức được giao năm 2026	Số viên chức đã tuyển dụng đến 6/2026	Số viên chức chưa tuyển dụng đến tháng 6/2026	Chỉ tiêu cần tuyển dụng
	Tổng	2.885	2.427	459	209
1	Trạm Y tế phường Xuân Hương - Đà Lạt	35	31	4	2
2	Trạm Y tế phường Cam Ly - Đà Lạt	23	22	1	1
3	Trạm Y tế phường Lâm Viên - Đà Lạt	27	21	6	3
4	Trạm Y tế phường Xuân Trường - Đà Lạt	26	24	2	0
5	Trạm Y tế phường Lang Biang - Đà Lạt	25	17	8	1
6	Trạm y tế xã Lạc Dương	17	16	1	1
7	Trạm Y tế xã Đơn Dương	26	19	7	3
8	Trạm Y tế xã Ka Đô	19	16	3	1
9	Trạm Y tế xã Quảng Lập	16	14	2	2
10	Trạm Y tế xã D'ran	17	17	0	0
11	Trạm Y tế xã Đức Trọng	22	19	3	3
12	Trạm Y tế xã Hiệp Thạnh	20	18	2	2
13	Trạm Y tế xã Tân Hội	21	18	3	3
14	Trạm Y tế xã Ninh Gia	15	10	5	3
15	Trạm Y tế xã Tà Hine	25	24	1	1
16	Trạm Y tế xã Tà Năng	15	12	3	3
17	Trạm Y tế xã Đinh Văn Lâm Hà	24	24	0	0
18	Trạm Y tế xã Phú Sơn Lâm Hà	19	17	2	2
19	Trạm Y tế xã Nam Hà Lâm Hà	15	11	4	2
20	Trạm Y tế xã Nam Ban Lâm Hà	38	36	2	0
21	Trạm Y tế xã Tân Hà Lâm Hà	34	31	3	2
22	Trạm Y tế xã Phúc Thọ Lâm Hà	18	19	0	0
23	Trạm Y tế xã Đam Rông 1	18	18	0	0
24	Trạm Y tế xã Đam Rông 2	16	16	0	0
25	Trạm Y tế xã Đam Rông 3	17	17	0	0
26	Trạm Y tế xã Đam Rông 4	23	23	0	0
27	Trạm Y tế xã Di Linh	36	28	8	2
28	Trạm Y tế xã Hòa Ninh	29	21	8	4
29	Trạm Y tế xã Hòa Bắc	17	11	6	3
30	Trạm Y tế xã Đinh Trang Thượng	22	21	1	1
31	Trạm Y tế xã Bảo Thuận	24	21	3	1
32	Trạm Y tế xã Sơn Điền	15	11	4	3
33	Trạm Y tế xã Gia Hiệp	20	13	7	3
34	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 1	21	21	0	0
35	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 2	22	22	0	0
36	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 3	17	17	0	0
37	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 4	18	16	2	2
38	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 5	15	11	4	2
39	Trạm Y tế phường 1 Bảo Lộc	25	23	2	2
40	Trạm Y tế phường 2 Bảo Lộc	24	24	0	0
41	Trạm Y tế phường 3 Bảo Lộc	25	25	0	0
42	Trạm Y tế phường B'Lao	25	25	0	0
43	Trạm Y tế xã Đạ Huoai	27	26	1	1
44	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 2	24	18	6	4
45	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 3	15	13	2	2
46	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh	26	23	3	3
47	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 2	27	24	3	3
48	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 3	19	16	3	2
49	Trạm Y tế xã Cát Tiên	23	23	0	0
50	Trạm Y tế xã Cát Tiên 2	26	23	3	2
51	Trạm Y tế xã Cát Tiên 3	23	19	4	3
52	Trạm Y tế xã Vĩnh Hảo	15	12	3	3
53	Trạm Y tế xã Liên Hương	39	25	14	5

TT	Tên trạm	Số viên chức được giao năm 2026	Số viên chức đã tuyển dụng đến 6/2026	Số viên chức chưa tuyển dụng đến tháng 6/2026	Chỉ tiêu cần tuyển dụng
54	Trạm Y tế xã Tuy Phong	17	11	6	2
55	Trạm Y tế xã Phan Rí Cửa	35	19	16	4
56	Trạm Y tế xã Bắc Bình	29	28	1	0
57	Trạm Y tế xã Hồng Thái	16	12	4	4
58	Trạm Y tế xã Hải Ninh	24	21	3	2
59	Trạm Y tế xã Phan Sơn	16	13	3	3
60	Trạm Y tế xã Sông Lũy	21	14	7	3
61	Trạm Y tế xã Lương Sơn	15	11	4	4
62	Trạm Y tế xã Hòa Thắng	15	10	5	3
63	Trạm Y tế xã Đông Giang	24	17	7	3
64	Trạm Y tế xã La Dạ	18	18	0	0
65	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Bắc	25	22	3	3
66	Trạm Y tế xã Hàm Thuận	32	21	11	3
67	Trạm Y tế xã Hồng Sơn	20	11	9	2
68	Trạm Y tế xã Hàm Liêm	21	18	3	3
69	Trạm Y tế phường Hàm Thắng	37	20	17	4
70	Trạm Y tế phường Bình Thuận	24	19	5	2
71	Trạm Y tế phường Mũi Né	35	14	21	3
72	Trạm Y tế phường Phú Thủy	23	22	1	0
73	Trạm Y tế phường Phan Thiết	31	30	1	1
74	Trạm Y tế phường Tiên Thành	18	14	4	2
75	Trạm Y tế xã Tuyên Quang	18	16	2	2
76	Trạm Y tế xã Hàm Thạnh	30	22	8	0
77	Trạm Y tế xã Hàm Kiệm	20	18	2	2
78	Trạm Y tế xã Tân Thành	36	33	3	2
79	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Nam	19	14	5	3
80	Trạm Y tế xã Tân Lập	15	12	3	3
81	Trạm Y tế xã Tân Minh	19	18	1	1
82	Trạm Y tế xã Hàm Tân	21	14	7	3
83	Trạm Y tế xã Sơn Mỹ	21	21	0	0
84	Trạm Y tế phường La Gi	29	19	10	3
85	Trạm Y tế phường Phước Hội	27	15	12	3
86	Trạm Y tế xã Tân Hải	18	6	12	4
87	Trạm Y tế xã Bắc Ruộng	42	40	2	2
88	Trạm Y tế xã Nghị Đức	25	23	2	2
89	Trạm Y tế xã Đông Kho	37	27	10	3
90	Trạm Y tế xã Tân Linh	37	22	15	3
91	Trạm Y tế xã Suối Kiết	20	12	8	5
92	Trạm Y tế xã Nam Thành	31	17	14	3
93	Trạm Y tế xã Đức Linh	35	20	15	4
94	Trạm Y tế xã Hoài Đức	33	24	9	2
95	Trạm Y tế xã Trà Tân	30	22	8	3
96	Trạm Y tế xã Cư Jút	33	33	0	0
97	Trạm Y tế xã Nam Dong	20	20	0	0
98	Trạm Y tế xã Đăk Wil	19	17	2	2
99	Trạm Y tế xã Quảng Phú	22	21	1	1
100	Trạm Y tế xã Năm Nung	16	16	0	0
101	Trạm Y tế xã Krông Nô	24	24	0	0
102	Trạm Y tế xã Nam Đà	22	22	0	0
103	Trạm Y tế xã Đức Lập	29	29	0	0
104	Trạm Y tế xã Thuận An	20	20	0	0
105	Trạm Y tế xã Đăk Mil	23	22	1	1
106	Trạm Y tế xã Đăk Săk	24	24	0	0
107	Trạm Y tế xã Đức An	24	24	0	0
108	Trạm Y tế xã Đăk Song	15	14	1	1
109	Trạm Y tế xã Thuận Hạnh	16	16	0	0
110	Trạm Y tế xã Trường Xuân	18	16	2	1
111	Trạm Y tế phường Bắc Gia Nghĩa	33	33	0	0
112	Trạm Y tế phường Đông Gia Nghĩa	30	29	1	1
113	Trạm Y tế phường Nam Gia Nghĩa	33	33	0	0
114	Trạm Y tế xã Tà Đùng	15	14	1	1
115	Trạm Y tế xã Quảng Khê	15	14	1	0
116	Trạm Y tế xã Quảng Sơn	15	12	3	3
117	Trạm Y tế xã Quảng Hòa	15	5	10	4

TT	Tên trạm	Số viên chức được giao năm 2026	Số viên chức đã tuyển dụng đến 6/2026	Số viên chức chưa tuyển dụng đến tháng 6/2026	Chỉ tiêu cần tuyển dụng
118	Trạm Y tế xã Kiến Đức	28	28	0	0
119	Trạm Y tế xã Nhân Cơ	23	23	0	0
120	Trạm Y tế xã Quảng Tín	27	26	1	0
121	Trạm Y tế xã Quảng Trực	15	11	4	3
122	Trạm Y tế xã Tuy Đức	25	25	0	0
123	Trạm Y tế xã Quảng Tân	16	16	0	0
124	Trạm Y tế Đặc khu Phú Quý	21	18	3	1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm

(Ảnh 4x6)	<p>PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN</p> <p>-----</p> <p>Vị trí dự tuyển⁽¹⁾:</p> <p>Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:</p> <p>I. THÔNG TIN CÁ NHÂN</p>
-----------	--

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh: Nam ⁽³⁾ <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/>
Dân tộc: Tôn giáo:
Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: Ngày cấp:..... Nơi cấp:
Số điện thoại di động:..... Email:
Quê quán:
Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....
Thông tin về hộ khẩu (nếu có):
Tình trạng sức khỏe: Chiều cao:..... ; Cân nặng:kg
Trình độ văn hóa:
Trình độ chuyên môn:.....

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quốc quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

V. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

<p>1. Nguyên vọng 1:</p> <p>- Vị trí việc làm dự tuyển ⁽¹⁾:</p> <p>- Đơn vị ⁽²⁾:</p>
<p>2. Nguyên vọng 2 (Nếu thông báo tuyển dụng không có các vị trí việc làm được đăng ký 02 nguyện vọng thì thí sinh không điền phần này):</p> <p>- Vị trí việc làm dự tuyển ⁽¹⁾:</p> <p>- Đơn vị ⁽²⁾:</p>

3. Đăng ký dự thi môn ngoại ngữ (Đối với các vị trí việc làm tại thông báo tuyển dụng không yêu cầu ngoại ngữ thì thí sinh không điền phần này)

3.1. Đăng ký dự thi ngoại ngữ ⁽⁴⁾:

Tiếng Anh Tiếng Nga Tiếng Pháp Tiếng Đức Tiếng Trung Quốc

Ngoại ngữ khác theo yêu cầu vị trí việc làm:

3.2. Miễn thi ngoại ngữ do (nếu có):

4. Đối tượng ưu tiên (nếu có):

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và cam kết hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi nhận được thông báo trúng tuyển./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)